

Số: 03 /2020/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 17 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2019 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi từ các công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2019 - 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4042 /TTr-STC ngày 31 tháng 12 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi từ các công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2019 - 2020.



Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, tổ chức hợp tác dùng nước có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật; tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động hợp pháp có liên quan quản lý khai thác công trình thủy lợi; cơ quan, tổ chức có liên quan đến quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

1. Biểu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa:

TT	Vùng và biện pháp công trình	Mức giá (1.000 đồng/ha/vụ)
I	Vùng miền núi	
1	Tưới tiêu bằng động lực (Máy bơm)	1.811
2	Tưới tiêu bằng trọng lực (Tự chảy)	1.267
3	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539
II	Vùng đồng bằng	
1	Tưới tiêu bằng động lực (Máy bơm)	1.409
2	Tưới tiêu bằng trọng lực (Tự chảy)	986
3	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.197

- Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá tại Biểu trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá bằng 40% mức giá tại Biểu trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá bằng 50% mức giá tại Biểu trên.

- Trường hợp lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu thì mức giá bằng 70% mức giá tưới, tiêu bằng trọng lực quy định tại Biểu trên.

- Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại Biểu trên.

- Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu bằng 30% mức giá quy định tại Biểu trên.

2. Mức giá đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông thì mức giá bằng 40% mức giá đối với đất trồng lúa.

3. Mức giá áp dụng đối với sản xuất muối tính bằng 2% giá trị muối thành phẩm.

4. Mức giá đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu được tính theo Biểu sau:

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Mức giá theo các biện pháp công trình	
			Bơm	Hồ đập, kênh cống
1	Cấp nước cho chăn nuôi	đồng/m ³	1.320	900
2	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m ³	840	600
		đồng/m ² mặt thoát/năm	250	
3	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m ³	1.020	840

a) Trường hợp cấp nước để nuôi trồng thủy sản lợi dụng thủy triều được tính bằng 50% mức giá quy định tại Biểu mức giá đối với cấp nước nêu trên.

b) Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu nếu không tính được mét khối (m³) thì tính theo diện tích hecta (ha), mức giá bằng 80% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

5. Tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị mức giá bằng 5% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của tưới đối với đất trồng lúa/vụ.

6. Mức giá quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 Điều này áp dụng đối với từng biện pháp tưới tiêu, từng vùng và được tính từ vị trí công trình đầu mối của công trình thủy lợi theo phân cấp đến vị trí công đầu kênh của tổ chức hợp tác, cá nhân dùng nước. Mức giá này không có thuế giá trị gia tăng.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Mức giá quy định tại Điều 3 Quyết định này làm căn cứ để đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch quản lý khai thác công trình thủy lợi theo quy định.

2. Các đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi phải thực hiện niêm yết giá, công khai thông tin về giá theo quy định pháp luật về giá.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2020.



2. Quyết định này thay thế Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi từ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Khánh Hòa; các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *pmj*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- UBND Quốc hội, VP Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo KH;
- Trung tâm thông tin điện tử tổng hợp KH;
- Đài Phát thanh-Truyền hình KH;
- Báo Khánh Hòa;
- Lưu: VT, HB, HLe. *pmj*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hữu Hoàng